



THỜI KHOÁ BIỂU NĂM HỌC 2024 - 2025
Tuần 19: từ ngày 16/12/2024 đến ngày 22/12/2024

THỨ LỚP		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
CÁC LỚP CAO ĐẲNG HỆ CHÍNH QUY						
K9-DVTY P.302	Sáng		KTNPTB cho trâu bò (Hưng) 4	VSV học thú y (Duyên) 4		DD thức ăn CN (Vân) 4
	Chiều	Sinh hoạt lớp 1 VSV học thú y (Duyên) 3	DD thức ăn CN (Vân) 4	KTNPTB cho trâu bò (Hưng) 4	KTNPTB cho trâu bò (Hưng) 4	GPSL vật nuôi (H.Nga) 4
K10-DVTY P.THCN	Sáng	GPSL vật nuôi (Hằng) 4	DD và thức ăn CN (Vân) 4	GPSL vật nuôi (Hằng) 4	Giống vật nuôi (H.Nga) 4	Bảo vệ môi trường (Hoà) 4
	Chiều	Sinh hoạt lớp 1 Bảo vệ môi trường (Hoà) 3	Dược lý TY (Lệ) 4	Dược lý TY (Lệ) 4	Vệ sinh thú y (Duyên) 4	Vệ sinh thú y (Duyên) 4
K10-KHCT P.THTT	Sáng	Sinh hoạt lớp 1 Sinh lý thực vật (Huyền) 3	Phân bón (Huệ) 4			Tiếng anh (Linh) (P.101) 4
	Chiều			Sinh lý thực vật (Huyền) 4	Sinh lý thực vật (Huyền) 4	
K9-KTDN K10-KTDN P.303	Sáng	Sinh hoạt lớp 1 Lý thuyết KT (P.Thảo) (P.306) 3		Nguyên lý Thống kê (Hoa) 4 (P.306)	Lý thuyết KT (P.Thảo) 4 (P.306)	Nguyên lý Thống kê (Hoa) 4 (P.306)
	Chiều		Soạn thảo VB (Mai) 4	Kinh tế chính trị (Quế) 4 (P.103)	Phân tích HĐKD (Nga) 4	
CÁC LỚP TRUNG CẤP HỆ CHÍNH QUY						
TT63A1 P.303	Sáng	Sinh hoạt lớp 1 Khí tượng NN (Lịch) 3	CB và BQ STH (Huyền) 4	Bệnh cây chuyên khoa (Hương) 4	Cây rau (Huệ) 4	Phòng trừ dịch hại (Triệu) 4
	Chiều					
CNTY63A3 P.301	Sáng	Sinh hoạt lớp 1 KTNPTB cho chó mèo (Lệ) 3	KTNPTB cho gà vịt (Duyên) 4	Luật thú y (Nga) 4	Quản trị kinh doanh (Thuý) 4	KTNPTB cho lợn (Quyên) 4
	Chiều					
CNTY63A4 P.205	Sáng	Sinh hoạt lớp 1 KTNPTB cho gà vịt (Hoà) 3	Ký sinh trùng TY (Phượng) 4	KTNPTB cho lợn (Hưng) 4	KTNPTB cho chó mèo (Quyên) 4	KTNPTB cho lợn (Hưng) 4
	Chiều					
KTDN63A P.204	Sáng					Kế toán DN1 (P.Thảo) 4
	Chiều	Sinh hoạt lớp 1 Thống kê DN (Thuý) 3	THKT trong DNSX (T.Thảo) 4	Kế toán NSXP (Hoa) 4	Thống kê DN (Thuý) 4	

TT64A1 P.101	Sáng	Sinh hoạt lớp Đất và phân bón (Hương)	1 3	Giống cây trồng (Huyền)	4	Giống cây trồng (Huyền)	4	Giống cây trồng (Huyền)	4	Tiếng anh (Linh)	4
	Chiều										
CNTY64A1 P.102	Sáng	Sinh hoạt lớp Khuyến nông (Tuyết)	1 3	Tiếng anh (K.Nhung)	4	GPSL vật nuôi (Hằng)	4	GD chính trị (Tài)	4	Tiếng anh (K.Nhung)	4
	Chiều							GPSL vật nuôi (Hằng)	4		
CNTY64A3 P.202	Sáng	Sinh hoạt lớp GPSL vật nuôi (Hằng)	1 3	Giáo dục QP-AN (Mạnh)	4	GD Chính trị (Quế)	4	Giáo dục QP-AN (Mạnh)	4	Giáo dục QP-AN (Mạnh)	4
	Chiều							Tiếng anh (Linh)	4		
KTDN64A1 P.103	Sáng	Sinh hoạt lớp GDTC (Hội)	1 3	Lý thuyết KT (P.Thảo)	4	Nguyên lý TK (Hoa)	4	Tiếng anh (K.Nhung)	4	Kinh tế vi mô (Thúy)	4
	Chiều	Nguyên lý TK (Hoa)	4			Kinh tế chính trị (Quế)	4			Lý thuyết KT (P.Thảo)	4
KTDN64A2 P.306	Sáng	Sinh hoạt lớp Lý thuyết KT (P.Thảo)	1 3	Tiếng anh (Linh)	4	Nguyên lý Thống kê (Hoa)	4	Lý thuyết KT (P.Thảo)	4	Nguyên lý Thống kê (Hoa)	4
	Chiều	Tiếng anh (Linh)	4							Tiếng anh (Linh)	4
CNTT64A1 P.305	Sáng	Sinh hoạt lớp Tiếng anh (K.Nhung)	1 3	Cơ sở dữ liệu (Trường)	4	Kỹ năng mềm (Son)	4	GD Chính trị (Quế)	4	Bảng tính Excel (Hà)	4
	Chiều							Bảng tính Excel (Hà)	4	Tiếng anh (K.Nhung)	4
CNTT64A2 P.A202	Sáng	Sinh hoạt lớp GD Chính trị (Quế)	1 3	Kỹ năng mềm (Son)	2	Cơ sở dữ liệu (Trường)	4	Tiếng anh (Phiên)	4	Bảng tính Excel (Thảo)	4
	Chiều			Tiếng anh (Phiên)	2			Bảng tính Excel (Thảo)	4	GD Chính trị (Quế)	4
ĐCN63A1 P.A102	Sáng										
	Chiều	Sinh hoạt lớp Trang bị điện (Đ.Đức)	1 3	KT điện tử (Dương)	4	KT điện tử (Dương)	4				
ĐCN63A2 P.A103	Sáng										
	Chiều	Sinh hoạt lớp KT điện tử (Giáp)	1 3	KT điện tử (Giáp)	4	KT điện tử (Giáp)	4	KT điện tử (Giáp)	4	KT điện tử (Giáp)	4
ĐCN64A1 P.A102	Sáng	Sinh hoạt lớp GDTC (Thúy)	1 3	Vẽ KT điện (N.Đức)	4	Vẽ KT điện (N.Đức)	4	Vẽ KT điện (N.Đức)	4	GD Chính trị (Quế)	4
	Chiều										
ĐCN64A2 P.A103	Sáng	Sinh hoạt lớp Vẽ KT điện (N.Đức)	1 3	Vật liệu điện (Huân)	4	GDTC (Hội)	2	An toàn điện (Tuấn)	4	GD chính trị (Tài)	2
	Chiều					Pháp luật (Huyền)	2			GDTC (Hội)	2

ĐCN64A3 P.A301	Sáng	Sinh hoạt lớp	1	GD Chính trị (Quế)	2	Vật liệu điện (Đ.Đức)	4	Vật liệu điện (Đ.Đức)	4	Vẽ KT điện (N.Đức)	4
	Chiều	Tin học (Thoa)	3	Pháp luật (Huyền)	2			Tin học (Thoa)	4		
ĐCN 63B	Sáng										
	Chiều	KT điện tử (Dương)	4								
ĐCN64B	Sáng			Mạch điện (Huyền)	4	Vật liệu điện (Huân)	4	Vật liệu điện (Huân)	4	Mạch điện (Huyền)	4
	Chiều	Vật liệu điện (Huân)	4	Vẽ KT điện (N.Đức)	4			Vẽ KT điện (N.Đức)	4	Vẽ KT điện (N.Đức)	4
TL63	Sáng										
	Chiều	Duy tu BDCTTL (Hoà)	4	Duy tu BDCTTL (Hoà)	4	Duy tu BDCTTL (Hoà)	4	Duy tu BDCTTL (Hoà)	4	Duy tu BDCTTL (Hoà)	4
TL64B	Sáng	Cơ kỹ thuật (Huyền)	4	Bảo vệ môi trường (Hoà)	4	Thủy lực cơ sở (Huyền)	4	Bảo vệ môi trường (Hoà)	4		
	Chiều			Thủy lực cơ sở (Huyền)	4			Thủy lực cơ sở (Huyền)	4	Thủy lực cơ sở (Huyền)	4
KTDN64B	Sáng	Kinh tế chính trị (Thủy)	4	Nguyên lý Marketing (Dung)	4	Nguyên lý thống kê (Mai)	4	Kinh tế chính trị (Thủy)	4	Nguyên lý Marketing (Dung)	4
	Chiều			Nguyên lý Marketing (Dung)	4			Nguyên lý thống kê (Mai)	4	Nguyên lý Marketing (Dung)	4
KTDN63B	Sáng			Kế toán DN 2 (T.Thảo)	4	THKT trong DNSX (Dung)	4	Tin học kế toán (Mai)	4	Kế toán DN 2 (T.Thảo)	4
	Chiều	Kế toán DN 2 (T.Thảo)	4	Tin học kế toán (Mai)	4	Kế toán DN 2 (T.Thảo)	4	Kế toán DN 2 (T.Thảo)	4		
CBBQ63	Sáng										
	Chiều	CB nước mắm (Liên)	2								4
CBBQ64	Sáng	KT lạnh cơ sở (Năm)	4	KT lạnh cơ sở (Năm)	4	KT lạnh cơ sở (Năm)	4	KT lạnh cơ sở (Năm)	4	KT lạnh cơ sở (Năm)	4
	Chiều										
KTMTT64	Sáng	Vẽ kỹ thuật (Trung)	4	Vẽ kỹ thuật (Trung)	4	Vẽ kỹ thuật (Trung)	4	Vẽ kỹ thuật (Trung)	4	Vẽ kỹ thuật (Trung)	4
	Chiều										
KTMTT63	Sáng			BDSCCB D.ME tàu thủy (Đồng)	4	BDSCCB D.ME tàu thủy (Đồng)	4			BDSCCB hệ thống phục vụ D.ME tàu thủy (Đồng)	4
	Chiều	BDSCCB D.ME tàu thủy (Đồng)	4	BDSCCB D.ME tàu thủy (Đồng)	4	BDSCCB D.ME tàu thủy (Đồng)	4	BDSCCB D.ME tàu thủy (Đồng)	4	BDSCCB hệ thống phục vụ D.ME tàu thủy (Đồng)	4

ĐKTB63	Sáng		Khí tượng hải dương (Tiền)	4			Khí tượng hải dương (Tiền)		
	Chiều	Bảo hiểm hàng hải (Trung)	4	Khí tượng hải dương (Tiền)	4	An toàn LĐ hàng hải (Ảnh)	4	Bảo hiểm hàng hải (Trung)	4
NTTS64	Sáng	KS, TKCT nuôi TS (Ảnh)	4	KS, TKCT nuôi TS (Ảnh)	4	KS, TKCT nuôi TS (Ảnh)	4	KS, TKCT nuôi TS (Ảnh)	4
	Chiều								

CÁC LỚP TRUNG CẤP HỆ CHÍNH QUY HỌC CUỐI TUẦN

THỨ		Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật	
LỚP							
TT63A2	Sáng			Sinh hoạt lớp	1	Khí tượng NN (Huyền)	4
TT64A3				Cây rau (Huệ)	4		
P.101	Chiều			Cây rau (Huệ)	4	Khí tượng NN (Huyền)	4
TT64A2	Sáng			Sinh hoạt lớp	1	Giáo dục QP-AN (Mạnh)	4
				Giáo dục QP-AN (Mạnh)	4		
	Chiều			Giáo dục QP-AN (Mạnh)	4	Giáo dục QP-AN (Mạnh)	4
CN63A2	Sáng	KTNPTB cho chó mèo (Phượng)	4	Sinh hoạt lớp	1	KTNPTB cho trâu bò	4
CN64A2				CD và ĐTH Thú y (Vân)	4	(Hưng)	
P.A303	Chiều	Luật thú y (Nga)	4	Ký sinh trùng TY (Lệ)	4		


TRƯỜNG
CAO ĐẲNG
NÔNG NGHIỆP
THANH HÓA
Lê Hoàng Bá Huyền



THỜI KHOÁ BIỂU NĂM HỌC 2024 - 2025
CÁC LỚP HỌC CHƯƠNG TRÌNH GDTX CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
Tuần 19: từ ngày 16/12/2024 đến ngày 22/12/2024

THỨ LỚP	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
VH62B P.104	Chiều Hoá học (Hà) 4				
VH62B3 P.A302	Sáng HDTN (Phượng) 1 Lịch sử (Dự) 3	Toán (Nhưng) 4 (Ôn tập)	GDKT và PL (Quyên) 4	CĐLC Ngữ văn (Hằng) 4	GDKT và PL (Quyên) 4
	Chiều Vật lý (Hoà) 4	Lịch sử (Dự) 4 (Ôn tập)	Ngữ văn (Hằng) 4 (Ôn tập)	GDKT và PL (Quyên) 4	CĐLC Ngữ văn (Hằng) 4
VH62B4	Sáng HDTN (Quyên) 1 GDKT và PL (Quyên) 3	Ngữ văn (Hằng) 4 (Ôn tập)	CĐLC Hoá học (Vân) 4	GDKT và PL (Quyên) 4 (Ôn tập)	Toán (Nhưng) 4 (Ôn tập)
	Chiều	Ngữ văn (Hằng) 4		Toán (Nhưng) 4	Vật lý (Hoà) 4
VH62B5 P.104	Sáng HDTN (Quý) 1 CĐLC Ngữ văn (Hằng) 3	Địa lý (Ngọc) 4 (Ôn tập)	Ngữ văn (Hằng) 4 (Ôn tập)	Toán (Quý) 4 (Ôn tập)	Địa lý (Ngọc) 4
	Chiều	CĐLC Ngữ văn (Hằng) 4			
VH63B1	Sáng HDTN (Nhưng) 1 Toán (Nhưng) 3				
VH63B5 P.A101	Sáng HDTN (Quế) 1 Vật lý (Hoà) 2				
VH63B6 P.302	Sáng	HDTN (Hoà) 1 Toán (Quý) 3		Ngữ văn (Hương) 2 CĐLC Địa lý (Nhài) 2	
VH63B7 P.301	Sáng HDTN (Nga) 1 Toán (Quý) 3	CĐLC Lịch sử (Dự) 2 CĐLC Ngữ văn (H.Hà) 2			
VH63B8 P.204	Sáng		HDTN (K.Nhung) 1 CĐLC Lịch sử (Dự) 3	Địa lý (Nhài) 2	

VH63B3 P.A303	Chiều		HĐTN (Hà) Sinh học (Phượng)	1 2				
VH63B4 P.205	Chiều	HĐTN (Dư) Sinh học (Phượng)	1 2		Ngữ văn (H.Hà) GDKT và PL (Quyên)	2 2	Địa lý (Chung) CĐLC Địa lý (Chung)	2 2
VH64B1	Chiều	HĐTN (Hằng) Ngữ văn (Hằng)	1 3		Toán (Hương)	2		
VH64B2 P.101	Chiều	HĐTN (P.Nga) CĐLC Ngữ văn (H.Hà)	1 3	CĐLC GDKT và PL (Tài) Sinh học (Hồng)	2 2			
VH64B3 P.A202	Chiều		HĐTN (Vân) Vật lý (Hoà)	1 3	Ngữ văn (Tâm)	4	Địa lý (Thủy)	4
VH64B4 P.A101	Chiều	HĐTN (Nga) Toán (P.Anh)	1 3	Hoá học (Hà) GDKT và PL (Thủy)	2 2			
VH64B5 P.A301	Chiều	HĐTN (Hoà) Địa lý (Nga)	1 2				CĐLC Ngữ văn (Lý)	4
VH64B6 P.103	Chiều		HĐTN (H.Hà) Toán (Quý)	1 3			CĐLC Lịch sử (Giang)	4
VH64B7 P.306	Chiều		HĐTN (Linh) GDKT và PL (Quyên)	1 3	Hoá học (Hà) Sinh học (Phượng)	2 2	Toán (Thảo)	4
VH64B8 P.102	Chiều	HĐTN (Phiên) GDKT và PL (Nga)	1 3		CĐLC Ngữ văn (Lý)	4	CĐLC Địa lý (Chung)	4

HIỆU TRƯỞNG

 TRƯỞNG
 CAO ĐẲNG
 NÔNG NGHIỆP
 THANH HÓA
 Lê Hoàng Bá Huyền